TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3701/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 23 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2016/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Chu Thanh T, sinh năm: 1994.
Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bà Lê Thị Trâm A, sinh năm: 1995.
Địa chỉ: chung cư X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Chu Thanh T và bà Lê Thị Trâm A yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Trâm A có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 73 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức) cấp ngày 11/8/2020 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông T và bà Trâm A là hợp pháp.

Xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Chu Thanh T và bà Lê Thị Trâm A.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông T và bà Trâm A có 01 con chung tên Chu Anh K, sinh ngày 24/6/2020. Ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Trâm A trực tiếp nuôi, Ông T cấp dưỡng cho con số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Chu Thanh T và bà Lê Thị Trâm A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Chu Anh K, sinh ngày 24/6/2020 cho bà Trâm A trực tiếp nuôi; Ông T cấp dưỡng cho con số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bà Lê Thị Trâm A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Chu Thanh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định trên thì hàng tháng Ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Ông Chu Thanh T và bà Lê Thị Trâm A phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Ông T và bà Trâm A đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0028232 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông T và bà Trâm A đã nộp đủ lệ phí.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi